

**Phụ lục 2**  
**CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CCHC ĐỐI VỚI CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
<b>I</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CCHC THEO LĨNH VỰC</b>		<b>95</b>		
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC CỦA UBND CẤP HUYỆN</b>	<b>23</b>	<b>15</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>4,5</b>	<b>2,5</b>		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch )	1,5	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	Thêm thời gian ban hành muộn kế hoạch CCHC
	<i>Ban hành đúng thời gian quy định = 1;</i>				
	<i>Ban hành trong tháng 1 của năm kế hoạch = 0,75;</i>				
	<i>Ban hành muộn hơn = 0,5;</i>				
	<i>Không ban hành = 0.</i>				
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của huyện, thành phố	0,5	0,5	nt	
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ = 0,5; Không xác định đầy đủ nhiệm vụ = 0</i>				
1.1.3	Các kết quả phải được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức	1	0,5	nt	
	<i>Đạt yêu cầu = 0,5; Không đạt yêu cầu = 0</i>				
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC của UBND cấp huyện	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	Nâng tỷ lệ thực hiện lên cao hơn
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 0,5;</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,4;</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,3;</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
<b>1.2</b>	<b>Bố trí kinh phí chỉ đạo, triển khai công tác CCHC (không bố trí kinh phí lồng ghép với các nội dung khác)</b>	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Căn cứ TL kiểm chứng: Chứng từ chi của UBND cấp huyện	Tách riêng thành TC riêng, không nằm trong TC xây dựng KH năm;
	<i>Có bố trí kinh phí = 1; Không bố trí kinh phí = 0</i>				
<b>1.3</b>	<b>Báo cáo CCHC</b>	<b>4</b>	<b>2,5</b>		
1.3.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm )	3	2	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	
	<i>Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định = 2. Thiếu báo cáo thì trừ 0,5 điểm/1 báo cáo; Có báo cáo nhưng chậm thời gian thì trừ 0,25 điểm/1 báo cáo.</i>				Có báo cáo nhưng chậm thời gian thì trừ 0,25 điểm/1 báo cáo.
1.3.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn (Riêng báo cáo 6 tháng và báo cáo năm phải có các biểu mẫu kèm theo)	1	0,5	nt	
	<i>Đạt yêu cầu = 0,5; Không đạt yêu cầu = 0 (Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm nếu thiếu biểu mẫu bị trừ 0,25/1 báo cáo)</i>				Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm nếu thiếu biểu mẫu bị trừ 0,25/1 báo cáo.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
<b>1.4</b>	<b>Kiểm tra công tác CCHC</b>	<b>2,5</b>	<b>2</b>		
1.4.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với cơ quan và các đơn vị thuộc UBND cấp huyện (kể cả cấp xã)	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	
	<i>Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị = 0,5; Có kế hoạch kiểm tra từ 20%-30% số cơ quan, đơn vị = 0,25; Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch = 0</i>				
1.4.2	Báo cáo kết quả kiểm tra CCHC	0,5	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	Thêm mới TCTP này và thay cho TCTP trước đây là "Xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm tra"
	<i>Có báo cáo = 0,5; Không có báo cáo = 0</i>				
1.4.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1	1	nt	Nâng tỷ lệ thực hiện lên cao hơn;
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1; Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75; Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5; Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
<b>1.5</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
1.5.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	
	<i>Có kế hoạch = 0,5; Không có kế hoạch = 0</i>				
1.5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	Nâng tỷ lệ thực hiện lên cao hơn
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 0,5; Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,4; Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,3; Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
1.5.3	Tác động của tuyên truyền đối với việc nâng cao nhận thức của CBCCVV, người dân, tổ chức về CCHC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
<b>1.6</b>	<b>Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	<b>2</b>	<b>1,5</b>		
1.6.1	Có quy định, quy chế bằng văn bản gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Quy chế, quy định của UBND cấp huyện	
	<i>Có quy chế, quy định của UBND cấp huyện = 0,5; Không có = 0</i>				
1.6.2	Triển khai đánh giá công tác CCHC cấp xã hàng năm theo Bộ chỉ số đảm bảo quy định		1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo kết quả đánh giá, xếp hạng CCHC cấp xã	Thêm mới để triển khai đánh giá CCHC cấp xã
	<i>Triển khai đúng quy định = 1; Không triển khai = 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
<b>1.7</b>	<b>Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác CCHC</b>		<b>1</b>		Thêm mới TC này để gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện công tác CCHC
1.7.1	Phân công trách nhiệm phụ trách công tác CCHC		0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Quy chế, quy định của UBND cấp huyện	
	<i>Người đứng đầu phụ trách công tác CCHC = 0,5</i>				
	<i>Phân công cấp phó người đứng đầu phụ trách công tác CCHC = 0</i>				
1.7.2	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, báo cáo CCHC của UBND cấp huyện		0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	
	<i>100% văn bản do người đứng đầu trực tiếp ban hành = 0,5;</i>				
	<i>Có một số văn bản do cấp phó ban hành = 0,25;</i>				
	<i>100% văn bản do cấp phó ban hành = 0</i>				
<b>1.8</b>	<b>Kết quả chỉ đạo, điều hành CCHC của UBND cấp huyện</b>	<b>4</b>	<b>3</b>		
1.8.1	Chất lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
1.8.2	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Văn bản được ban hành kịp thời: Đạt 100% = 1; Từ 80% đến dưới 100% = 0,75; Từ 50% đến dưới 80% = 0,5; Dưới 50% = 0</i>				
1.8.3	Công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
<b>2</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI UBND CẤP HUYỆN</b>	<b>13</b>	<b>12</b>		
<b>2.1</b>	<b>Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện</b>	<b>2</b>	<b>1,5</b>		
	<i>Trường hợp trong năm không ban hành văn bản QPPL nào do không được luật giao thì chấm = 1</i>				
2.1.1	Mức độ thực hiện của HĐND, UBND cấp huyện so với kế hoạch xây dựng, ban hành văn bản QPPL hàng năm của cấp huyện	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Chương trình, kế hoạch của UBND cấp huyện	
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	1	0,5	Báo cáo của UBND cấp huyện, kết hợp theo dõi, đôn đốc của Sở Tư pháp	
	<i>Đúng quy định = 0,5; Không đúng quy định = 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
<b>2.2</b>	<b>Mức độ phù hợp, tính khả thi và tính hiệu quả của Hệ thống văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		Tách thành TC riêng.
2.2.1	Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
2.2.2	Tính khả thi của văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
2.2.3	Tính hiệu quả, ổn định của văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
<b>2.3</b>	<b>Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>3</b>	<b>2</b>		
2.3.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa của UBND cấp huyện (ban hành kế hoạch riêng hoặc chung trong kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL của cấp huyện)	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Ban hành kế hoạch trong tháng 01 = 0,5</i>				
	<i>Ban hành kế hoạch trong tháng 02 = 0,25</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>				
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Tăng mức độ thực hiện kế hoạch và chia các thang điểm cụ thể hơn
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
2.3.3	Thực hiện đảm bảo nguyên tắc, trách nhiệm, quy trình rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi rà soát, hệ thống hóa của cơ quan, đơn vị theo quy định.	1	0,5	nt	Thay đổi tên (trước đây là "Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra")
	<i>Thực hiện đảm bảo nguyên tắc, trách nhiệm, quy trình rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL = 0,5</i>				
	<i>Không thực hiện đúng quy định = 0</i>				
<b>2.4</b>	<b>Thực hiện việc tự kiểm tra văn bản QPPL do UBND cấp huyện ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành</b>	<b>4</b>	<b>3</b>		
2.4.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL tại UBND cấp huyện (ban hành kế hoạch riêng hoặc chung trong kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của cấp huyện)	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Ban hành kế hoạch trong tháng 01 = 0,5</i>				
	<i>Ban hành kế hoạch trong tháng 02 = 0,25</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>				
2.4.2	Mức độ thực hiện việc tự kiểm tra	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Tăng mức độ thực hiện kế hoạch và chia các thang điểm cụ thể hơn

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
2.4.3	Mức độ thực hiện việc kiểm tra theo thẩm quyền	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Tăng mức độ thực hiện kế hoạch và chia các thang điểm cụ thể hơn
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
2.4.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	0,5	nt	
	<i>100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,5</i>				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,4</i>				
	<i>Từ 50% đến dưới 80% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý = 0,3</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% hoặc không kiến nghị xử lý = 0</i>				
2.5	<b>Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi cấp huyện</b>	1	2,5		
2.5.1	Tổ chức triển khai văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành		1	Căn cứ TLKC: Báo cáo của UBND cấp huyện kết hợp theo dõi, đơn đốc, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Đạt 100% văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định = 1</i>				
	<i>Từ 80% đến dưới 100% văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định = 0,75</i>				
	<i>Từ 50% đến dưới 80% văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định = 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định = 0</i>				
2.5.2	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	
	<i>Ban hành kế hoạch đảm bảo thời gian quy định = 0,5</i>				
	<i>Ban hành kế hoạch chậm dưới 01 tháng so với thời gian quy định = 0,25</i>				
	<i>Ban hành kế hoạch chậm từ 01 tháng trở lên hoặc không ban hành = 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
2.5.3	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật		1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	Chuyển từ TCTP 2.3.1 về và sửa đổi thành mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% - dưới 100% kế hoạch = 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>9</b>	<b>13</b>		
<b>3.1</b>	<b>Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC của UBND cấp huyện</b>	<b>2</b>	<b>3</b>		
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc UBND cấp huyện	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 01 = 1</i>				
	<i>Ban hành trong tháng 02 = 0,5</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>				
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1	2	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Thực hiện 100% nội dung kế hoạch = 2</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% nội dung kế hoạch = 1,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% nội dung kế hoạch = 1</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% nội dung kế hoạch = 0</i>				
<b>3.2</b>	<b>Công bố, công khai TTHC và kiểm soát việc thực hiện TTHC</b>	<b>5</b>	<b>8</b>		
3.2.1	Phát hiện các quy định về TTHC chưa được công bố hoặc có sự khác biệt giữa nội dung công bố với văn bản QPPL về TTHC, kịp thời kiến nghị Sở quản lý chuyên ngành trình UBND tỉnh công bố	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tư pháp	
	<i>Phát hiện, kiến nghị kịp thời=1</i>				
	<i>Phát hiện, kiến nghị không kịp thời=0</i>				
3.2.2	Thực hiện việc công khai, minh bạch các TTHC tại các địa điểm tiếp nhận hồ sơ dưới 02 hình thức niêm yết trên bảng và đóng thành sổ hướng dẫn	2	2	nt	
	<i>Công khai đầy đủ 100% theo quy định = 2</i>				
	<i>Công khai từ 90% đến dưới 100% theo quy định = 1,5</i>				
	<i>Công khai từ 80% đến dưới 90% theo quy định = 1</i>				
	<i>Công khai từ 70% đến dưới 80% theo quy định = 0,5</i>				
	<i>Công khai dưới 70% theo quy định = 0</i>				
3.2.3	Công khai các TTHC trên Trang thông tin điện tử của các huyện, thị xã, thành phố	2	1		
	<i>Có công khai = 1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Không công khai = 0</i>				
3.2.4	Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và địa chỉ cơ quan giúp UBND tỉnh, UBND cấp huyện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC tại các địa điểm tiếp nhận hồ sơ		0,5	nt	Thêm mới, tách ra thành TC riêng đảm bảo quy định Thông tư 05/2014/TT-BTP ngày 07/2/2014 của Bộ Tư pháp
	<i>Công khai theo quy định = 0,5</i>				
	<i>Không công khai đúng quy định = 0</i>				
3.2.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện		0,5	nt	
	<i>Từ 90% trở lên phản ánh, kiến nghị được xử lý = 0,5</i>				
	<i>Dưới 90% phản ánh, kiến nghị được xử lý = 0</i>				
3.2.6	Kiểm soát việc tổ chức thực hiện các TTHC theo đúng quy định của pháp luật		2	nt	
	<i>Thực hiện 100% các TTHC theo đúng quy định = 2</i>				
	<i>Thực hiện từ 90% đến dưới 100% TTHC theo đúng quy định = 1,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% đến dưới 90% TTHC theo đúng quy định = 1</i>				
	<i>Dưới 70% TTHC thực hiện đúng quy định = 0</i>				
3.2.7	Tổ chức tự kiểm tra công tác kiểm soát TTHC theo quy định tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Thông tư số 25/2014/TT-BTP		1	nt	Thêm mới TCTP
	<i>Có tổ chức và gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra cho Sở Tư pháp = 1</i>				
	<i>Không tổ chức = 0</i>				
<b>3.3</b>	<b>Rà soát, đánh giá các quy định về TTHC để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		Thêm mới TC
3.3.1	Có nội dung, danh mục rà soát TTHC trọng tâm trong Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC hàng năm; đảm bảo đúng theo yêu cầu của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP	1	1	nt	
	<i>Có nội dung, danh mục TTHC rà soát trọng tâm = 1</i>				
	<i>Không có nội dung, danh mục TTHC rà soát trọng tâm = 0</i>				
3.3.2	Kết quả thực hiện rà soát, đánh giá các TTHC trọng tâm	1	1	nt	
	<i>Có phương án đơn giản hóa, cải cách TTHC gửi Sở Tư pháp và Sở quản lý chuyên ngành; được UBND tỉnh thông qua = 1</i>				
	<i>Có kết quả rà soát gửi Sở Tư pháp nhưng trong kết quả không có sáng kiến phương án đơn giản hóa, cải cách TTHC = 0,5</i>				
	<i>Không có kết quả rà soát TTHC = 0</i>				
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	<b>10</b>	<b>11</b>		
<b>4.1</b>	<b>Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí, việc làm tại cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp huyện</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		Chuyển từ lĩnh vực 5 lên lĩnh vực 4 phù hợp với chức năng nhiệm vụ; Tăng điểm (trước đây là 3)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
4.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>Đạt 100% = 0,5; Từ 80% đến dưới 100% = 0,25; Dưới 80% = 0</i>	1	0,5	nt	
4.1.2	Tỷ lệ công chức thực hiện cơ cấu theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>Đạt 100% = 1; Từ 90% đến dưới 100% = 0,75; Từ 80% đến dưới 90% = 0,5; Dưới 80% = 0</i>	1	1	nt	
4.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>Đạt 100% = 0,5; Từ 80% đến dưới 100% = 0,25; Dưới 80% = 0</i>	1	0,5	nt	
4.1.4	Tỷ lệ viên chức thực hiện cơ cấu theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>Đạt 100% = 1; Từ 90% đến dưới 100% = 0,75; Từ 80% đến dưới 90% = 0,5; Dưới 80% = 0</i>	1	1	nt	
<b>4.2</b>	<b>Thực hiện chính sách tinh giản biên chế</b>		<b>1</b>		Thêm mới TC
4.2.1	Ban hành kế hoạch, đăng ký tinh giản biên chế hàng năm <i>Ban hành kịp thời = 0,5; Ban hành không kịp thời hoặc không ban hành = 0</i>		0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	
4.2.2	Mức độ thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch hàng năm <i>Thực hiện 100% = 0,5; từ 80% đến dưới 100% = 0,25; Dưới 80% = 0</i>		0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	
<b>4.3</b>	<b>Tuân thủ các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành về tổ chức bộ máy</b> <i>Thực hiện đầy đủ theo quy định, bộ máy tinh gọn, hiệu quả = 0,5; Thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định = 0,25; Không thực hiện đầy đủ theo quy định, bộ máy còn công kênh, kém hiệu quả = 0</i>	<b>1</b>	<b>0,5</b>	nt	Bổ sung thêm thang điểm: Thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định = 0,25
<b>4.4</b>	<b>Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện và các đơn vị trực thuộc theo quy định</b>	<b>2</b>	<b>2</b>		
4.4.1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1	1	Điều tra xã hội học	
4.4.2	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc UBND cấp huyện <i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>	1	1	Điều tra xã hội học	
<b>4.5</b>	<b>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện</b>	<b>3</b>	<b>1,5</b>		
4.5.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra (Có kế hoạch riêng hoặc kế hoạch lồng ghép vào kế hoạch khác nhưng phải chi tiết, cụ thể)	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Có kế hoạch kiểm tra số cơ quan, đơn vị trực thuộc (kể cả cấp xã): Trên 30% = 0,5; Từ 20% đến 30% = 0,25; Dưới 20% = 0</i>				
4.5.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra tổ chức và hoạt động	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 0,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,4;</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,3;</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
4.5.3	Báo cáo kết quả kiểm tra tổ chức và hoạt động	1	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo kiểm tra của UBND cấp huyện	Thêm mới TCTP này và thay cho TCTP trước đây là "Xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm tra"
	<i>Có báo cáo = 0,5; Không có báo cáo = 0</i>				
<b>4.6</b>	<b>Thực hiện phân cấp quản lý</b>	<b>3</b>	<b>1,5</b>		
4.6.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định	1	0,5	nt	
	<i>Có thực hiện phân cấp đầy đủ theo quy định = 0,5;</i>				
	<i>Có thực hiện phân cấp nhưng chưa đầy đủ theo quy định = 0,25;</i>				
	<i>Không thực phân cấp = 0</i>				
4.6.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc	1	0,5	nt	
	<i>Có kế hoạch kiểm tra số cơ quan, đơn vị trực thuộc: Trên 30% = 0,5; Từ 20% đến 30% = 0,25; Dưới 20% = 0</i>				
4.6.3	Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá về phân cấp quản lý theo quy định	1	0,5	Căn cứ TLKC: Báo cáo kiểm tra của UBND cấp huyện	Thêm mới TCTP này và thay cho TCTP trước đây là "Xử lý các vấn đề phát sinh sau kiểm tra"
	<i>Có báo cáo = 0,5; Không có báo cáo = 0</i>				
<b>4.7</b>	<b>Quy chế làm việc của UBND cấp huyện</b>	<b>1</b>	<b>1,5</b>		Sửa đổi tên TC thành Quy chế làm việc; thêm mới TCTP
4.7.1	Ban hành quy chế làm việc của UBND cấp huyện		0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Quy chế làm việc	Thêm mới TCTP
	<i>Có ban hành quy chế = 0,5; không ban hành = 0</i>				
4.7.2	Kết quả thực hiện quy chế làm việc của UBND cấp huyện	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>18</b>	<b>15</b>		
<b>5.1</b>	<b>Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức</b>	<b>4</b>	<b>4</b>		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
5.1.1	Tỷ lệ sử dụng biên chế công chức, viên chức được giao hàng năm		1	nt	Thêm mới TCTP nhằm đánh giá việc sử dụng biên chế ở UBND cấp huyện tránh lãng phí biên chế
	<i>Đạt 100% = 1; Từ 90% đến dưới 100% = 0,75; Từ 80% đến dưới 90% = 0,5; Dưới 80% = 0</i>				
5.1.2	Thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo đúng quy định	1	1	nt	
	<i>Đúng quy định = 1; Không đúng quy định, còn để sai sót = 0</i>				
5.1.3	Thực hiện bố trí công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo đúng quy định của vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp	2	1	nt	
	<i>Thực hiện bố trí công chức, viên chức đúng quy định: Đạt 100% = 1; Từ 90% đến dưới 100% = 0,75; Từ 80% đến dưới 90% = 0,5; Dưới 80% = 0</i>				
5.1.4	Thực hiện việc xếp ngạch công chức, viên chức theo đúng quy định		0,5	nt	Thêm mới TCTP
	<i>Đạt 100% = 0,5; Từ 90% đến dưới 100% = 0,4; Từ 80% đến dưới 90% = 0,3; Dưới 80% = 0</i>				
5.1.5	Thực hiện thi thăng hạng viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện		0,5	nt	Thêm mới TCTP
	<i>Có thực hiện và đúng quy định = 0,5; Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định = 0</i>				
<b>5.2</b>	<b>Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm theo quy định</b>	<b>1</b>	<b>2</b>		Sửa đổi tên TC cho phù hợp
5.2.1	Tổ chức thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm theo quy định	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	
	<i>Thực hiện đúng quy định = 1; Không thực hiện đúng quy định = 0</i>				
5.2.2	Tính chính xác, khách quan, công bằng công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm		1	Điều tra xã hội học	Thêm mới TCTP
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
<b>5.3</b>	<b>Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định</b>		<b>1</b>		Thêm mới TC do trước đây chưa có
5.3.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm của UBND cấp huyện		0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	
	<i>Ban hành kịp thời = 0,5; Ban hành không kịp thời = 0,25; Không ban hành = 0</i>				
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm của UBND cấp huyện		0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch = 0,5;</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch = 0,4;</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% đến dưới 80% kế hoạch = 0,3;</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch = 0</i>				
<b>5.4</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ CCVC</b>	<b>3</b>	<b>2</b>		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
5.4.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm của UBND cấp huyện	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	
	<i>Ban hành kịp thời trong tháng 01 của năm kế hoạch = 0,5; Ban hành không kịp thời = 0,25; Không ban hành = 0</i>				
5.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của UBND cấp huyện	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện	
	<i>Thực hiện trên 90% kế hoạch = 0,5; Thực hiện từ 70% - 90% kế hoạch = 0,25; Thực hiện dưới 70% kế hoạch = 0</i>				
5.4.3	Tỷ lệ cán bộ, CCVC (không tính cấp xã) được đào tạo, bồi dưỡng trong năm	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Trên 70% số cán bộ, công chức = 0,5; Từ 50% đến dưới 70% số cán bộ, công chức = 0,25; Dưới 50% số cán bộ, công chức = 0</i>				
5.4.4	Cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập trung của tỉnh		0,5	nt	Thêm mới TCTP này để đánh giá mức độ tham gia tập huấn đào tạo tập trung của UBND cấp huyện
	<i>Cử tham gia đầy đủ theo triệu tập của cơ quan có thẩm quyền = 0,5; Không tham gia đầy đủ = 0</i>				
<b>5.5</b>	<b>Chất lượng cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>4</b>	<b>4</b>		
5.5.1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CCVC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
5.5.2	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc của CCVC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
5.5.3	Thái độ phục vụ của CCVC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
5.5.4	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của CCVC	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Không có = 1; Có = 0</i>				
<b>5.6</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>3</b>	<b>2</b>		
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1	0,5	nt	Nâng tỷ lệ lên vì hiện nay số công chức đạt chuẩn đã cao
	<i>Đạt 100% = 0,5; Từ 90% đến dưới 100% = 0,4; Từ 80% đến dưới 90% = 0,3; Dưới 80% = 0</i>				
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1	0,5	nt	nt
	<i>Đạt 100% = 0,5; Từ 90% đến dưới 100% = 0,4; Từ 80% đến dưới 90% = 0,3; Dưới 80% = 0</i>				
5.6.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1	1	nt	
	<i>Trên 70% số cán bộ, công chức = 1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	Từ 60% đến 70% số cán bộ, công chức = 0,75				
	Từ 50% đến dưới 60% số cán bộ, công chức = 0,5				
	Dưới 50% số cán bộ, công chức = 0				
<b>6</b>	<b>ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP</b>	<b>4</b>	<b>5</b>		
<b>6.1</b>	<b>Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại UBND cấp huyện</b>	<b>2</b>	<b>2,5</b>		
6.1.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính	
	100% số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện = 0,5; Dưới 100% số cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện = 0				
6.1.2	Mức thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ, công chức hàng tháng khi thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính		1	nt	Thêm mới TCTP để đánh giá hiệu quả của khoán biên chế và kinh phí
	Trên 300 ngàn đồng/người/tháng = 1;				
	Từ 200 ngàn đến dưới 300 ngàn đồng/người/tháng = 0,75;				
	Từ 100 ngàn đến dưới 200 ngàn đồng/người/tháng = 0,5;				
	Có thu nhập dưới 100 ngàn đồng/người/tháng = 0,25;				
	Không có thu nhập tăng thêm = 0				
6.1.3	Tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính tại UBND cấp huyện	1	1	Điều tra xã hội học	
	Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.				
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện</b>	<b>2</b>	<b>2,5</b>		
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm có hiệu quả	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Tài chính	
	Đạt 100% = 0,5; Từ 90% đến dưới 100% = 0,4; Từ 80% đến dưới 90% = 0,3; Từ 70% đến dưới 80% = 0,2; Dưới 70% = 0				Nâng tỷ lệ thực hiện
6.2.2	Mức thu nhập tăng thêm bình quân của viên chức hàng tháng khi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm		1	nt	Thêm mới TCTP để đánh giá hiệu quả của khoán biên chế và kinh phí
	Trên 300 ngàn đồng/người/tháng = 1; Từ 200 ngàn đến dưới 300 ngàn đồng/người/tháng = 0,75; Từ 100 ngàn đến dưới 200 ngàn đồng/người/tháng = 0,5; Có thu nhập dưới 100 ngàn đồng/người/tháng = 0,25; Không có thu nhập tăng thêm = 0				
6.2.3	Tác động của việc thực hiện cơ chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1	1	Điều tra xã hội học	
	Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>11</b>	<b>14</b>		
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin của UBND cấp huyện</b>	<b>6</b>	<b>6</b>		
7.1.1	Tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT theo quy định (Đánh giá, xếp loại của Sở TTTT) Ban hành KH ứng dụng CNTT hàng năm và tổ chức thực hiện	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Kế hoạch của UBND cấp huyện	Sửa lại tên TCTP cho phù hợp
	<i>Thực hiện đúng quy định đạt Tốt = 1;</i>				
	<i>Thực hiện đúng quy định đạt Khá = 0,75;</i>				
	<i>Thực hiện đúng quy định đạt Trung bình = 0,5;</i>				
	<i>Thực hiện không đúng quy định, xếp loại Yếu, Kém = 0</i>				
7.1.2	Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của CBCCVV	1	1	Sở TT&TT đánh giá	Trước đây là điều tra XHH
	<i>Tỷ lệ thực hiện từ 80 đến 100% đạt Tốt = 1;</i>				
	<i>Tỷ lệ thực hiện từ 50 đến dưới 80% đạt Trung bình = 0,5;</i>				
	<i>Tỷ lệ thực hiện dưới 50% xếp loại Yếu, Kém = 0</i>				
7.1.3	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2	1	nt	
	<i>Tỷ lệ dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2: Đạt 100% = 1; Từ 80% đến dưới 100% = 0,75; Từ 50% đến dưới 80% = 0,5; Dưới 50% = 0.</i>				
7.1.4	Triển khai thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại UBND cấp huyện	1	1	nt	
	<i>Thực hiện tốt = 1; Thực hiện khá = 0,75;</i> <i>Thực hiện trung bình = 0,5; Thực hiện yếu hoặc không thực hiện = 0</i>				
7.1.5	Triển khai thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản về UBND cấp xã		1	nt	Thêm mới TCTP
	<i>Thực hiện tốt = 1; Thực hiện khá = 0,75;</i> <i>Thực hiện trung bình = 0,5; Thực hiện yếu hoặc không thực hiện = 0</i>				
7.1.6	Triển khai phần mềm Quản lý nhân sự (Phân hệ quản lý hồ sơ)		1	nt	Thêm mới TCTP
	<i>Thực hiện tốt = 1; Thực hiện khá = 0,75;</i> <i>Thực hiện trung bình = 0,5; Thực hiện yếu hoặc không thực hiện = 0</i>				
<b>7.2</b>	<b>Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện</b>	<b>3</b>	<b>3</b>		
7.2.1	Tính kịp thời của thông tin cung cấp	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở TTTT	Trước đây là điều tra xã hội học
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
7.2.2	Mức độ đầy đủ của thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước cung cấp	1	1	nt	Trước đây là điều tra xã hội học
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				
7.2.3	Mức độ thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin	1	1	nt	Trước đây là điều tra xã hội học
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0.</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
7.3	<b>Áp dụng ISO 9001 trong hoạt động của sở, ban, ngành</b>	2	5	Báo cáo của các cơ quan, đơn vị và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở KH&CN	Trước đây chỉ quy định thực hiện ISO nhưng chưa có phần đánh giá áp dụng TTHC của cơ quan đơn vị vào ISO.
	Xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố phù hợp hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đối với các thủ tục hành chính:				
	<i>Thực hiện duy trì tốt và áp dụng 100% các thủ tục hành chính = 5</i>				
	<i>Thực hiện duy trì tốt và áp dụng trên 60% thủ tục hành chính = 4</i>				
	<i>Thực hiện duy trì chưa tốt và áp dụng trên 60% các thủ tục hành chính hoặc duy trì tốt và áp dụng dưới 60% các thủ tục hành chính = 3</i>				
	<i>Thực hiện duy trì chưa tốt, áp dụng dưới 60% các thủ tục hành chính = 2</i>				
	<i>Không thực hiện duy trì hệ thống quản lý chất lượng = 0</i>				
8	<b>THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG</b>	12	10		
8.1	<b>Triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại</b>	3	3		
8.1.1	Xây dựng, triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại cấp huyện	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có triển khai thực hiện = 1</i>				
	<i>Không có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại nhưng vẫn thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại một đầu mối = 0,5</i>			Căn cứ TLKC: Sở theo dõi tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	
	<i>Không thực hiện = 0</i>				
8.1.2	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn có TTHC thực hiện qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại thuộc UBND cấp huyện		1	nt	Thêm mới TCTP
	<i>Đạt 100% = 1; Từ 80% đến dưới 100% = 0,75; Từ 50% đến dưới 80% = 0,5; Dưới 50% = 0</i>				
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo quy định về diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị tin học,... (trừ các xã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thực hiện)	1	1	nt	
	<i>Đạt 100% = 1; Từ 80% đến dưới 100% = 0,75; Từ 50% đến dưới 80% = 0,5; Dưới 50% = 0</i>				
8.2	<b>Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	2	2,5		
8.2.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1	1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Đạt 100% số lượng TTHC = 1;</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số lượng TTHC = 0,75;</i>				
	<i>Từ 50% đến dưới 80% số lượng TTHC = 5;</i>				
	<i>Từ 30% đến dưới 50% số lượng TTHC = 0,25;</i>				
	<i>Dưới 30% số lượng TTHC = 0</i>				
8.2.2	Có các TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan nhà nước các cấp, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn <i>Có thực hiện = 0,5; Không thực hiện = 0</i>		0,5	nt	Thêm mới TCTP
8.2.3	Việc tuân thủ và tổ chức thực hiện các TTHC đúng quy định (về chất lượng, trình tự, thời gian giải quyết,...)		1	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ, Sở TP	Chuyển sang Lĩnh vực 3 xuống để đánh giá logic việc thực hiện TTHC ở UBND cấp huyện
	<i>Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo TTHC đúng quy định: 100% = 1; Từ 90 đến dưới 100% = 0,5; Từ 80% đến dưới 90% = 0,25; Dưới 80% = 0</i>				Nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC đảm bảo quy định về chất lượng, thời gian để bắt buộc các cơ quan đơn vị nâng chất lượng giao dịch với tổ chức, người dân
<b>8.3</b>	<b>Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông cấp huyện</b>	<b>3</b>	<b>1,5</b>		Chia ra các TCTP cụ thể hơn
8.3.1	Bố trí phòng làm việc	1	0,5	Căn cứ TL kiểm chứng: Báo cáo của UBND cấp huyện và kết hợp theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ	
	<i>Có bố trí và đảm bảo diện tích đúng quy định = 0,5; Có bố trí nhưng diện tích chưa đúng quy định = 0,25; Không bố trí = 0</i>				
8.3.2	Bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị (bàn, ghế làm việc, bàn ghế ngồi chờ, điều hòa, quạt,...)	1	0,5	nt	
	<i>Đảm bảo đúng quy định = 0,5; Có bố trí nhưng chưa đầy đủ = 0</i>				
8.3.3	Bố trí hệ thống tin học (đủ số lượng máy tính, có kết nối mạng, ứng dụng hệ thống phần mềm dùng chung,...) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông		0,5	nt	Thêm mới TCTP này để đánh giá sự đầu tư của UBND cấp huyện
	<i>Đảm bảo đúng quy định = 0,5; Có bố trí nhưng chưa đầy đủ = 0,25; Không có = 0</i>				
<b>8.4</b>	<b>Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>4</b>	<b>3</b>		
8.4.1	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0</i>				
8.4.2	Thời gian giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Đảm bảo đúng (hoặc sớm hơn) quy định = 1; Chưa đúng quy định = 0</i>				
8.4.3	Chất lượng giải quyết TTHC của UBND cấp huyện	1	1	Điều tra xã hội học	
	<i>Tốt = 1; Khá = 0,75; Trung bình = 0,5; Yếu, kém = 0</i>				
<b>II</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ ĐIỂM THƯỜNG</b>		<b>5</b>		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm trước đây	Điểm dự kiến sửa đổi	Phương pháp đánh giá	Thay đổi so với trước
1	Có đề tài, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phê duyệt, ban hành bằng văn bản.		1		
2	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện.		1		
3	Có triển khai thực hiện thu hút nhân tài về công tác tại cơ quan, đơn vị.		1		
4	Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 hoặc mức độ 4.		1		
5	Kết quả điều tra, khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa cấp huyện (M-Score) được đánh giá Tốt.		1		
<b>III</b>	<b>NHÓM TIÊU CHÍ ĐIỂM TRỪ</b>		<b>-5</b>		
1	Để xảy ra tham nhũng, lãng phí hoặc sai phạm trong quản lý mà công chức viên chức liên quan bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý trách nhiệm hình sự.		-1		
2	Không công khai, minh bạch tiếp cận các thông tin, tài liệu đối với các tổ chức, cá nhân theo quy định.		-1		
3	Để xảy ra tình trạng chậm trễ, sai sót dẫn đến phản ánh của tổ chức, công dân đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cơ quan, đơn vị.		-1		
4	Tổ chức điều tra xã hội học không đúng đối tượng, để xảy ra tình trạng sai sót trong phiếu điều tra (sửa chữa, tẩy xóa,...) vượt 5% tổng số phiếu.		-1		
5	Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC thiếu chính xác, thiếu khách quan, sai số quá 5% so với điểm thẩm định		-1		
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>100</b>	<b>100</b>		

**Trong đó:**

**1. Về bố cục:** Chia thành 3 nhóm:

**a. Nhóm tiêu chí đánh giá theo lĩnh vực:**

+Giữ nguyên 8 lĩnh vực như trước đây;

+Có 38 Tiêu chí (trước đây là 34 Tiêu chí), tăng 4 Tiêu chí do tách từ các tiêu chí thành phần hoặc thêm mới Tiêu chí để đánh giá toàn diện hơn.

+Có 108 Tiêu chí thành phần (trước đây là 90 tiêu chí thành phần), tăng 18 Tiêu chí thành phần.

**b. Nhóm tiêu chí điểm thưởng:** Có 5 tiêu chí thưởng.

**c. Nhóm tiêu chí điểm trừ:** Có 5 tiêu chí trừ điểm.

**2. Về điểm số:** Tổng số là 100 điểm, trong đó:

+Điểm tự đánh giá: 75 điểm (trước đây là 75 điểm, giữ nguyên điểm);

+Điểm điều tra xã hội học: 20 điểm (trước đây là 25 điểm), giảm 5 điểm.

+Điểm thưởng: 5 điểm;

+Điểm trừ: 5 điểm.